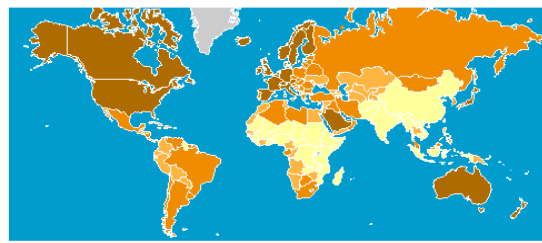


Mô thức phát triển và các vấn đề của chính sách phát triển

Chính sách Phát triển



■ high income economies ■ lower middle income countries ■ Data unavailable
■ higher middle income countries ■ low income economies

1

Nội dung

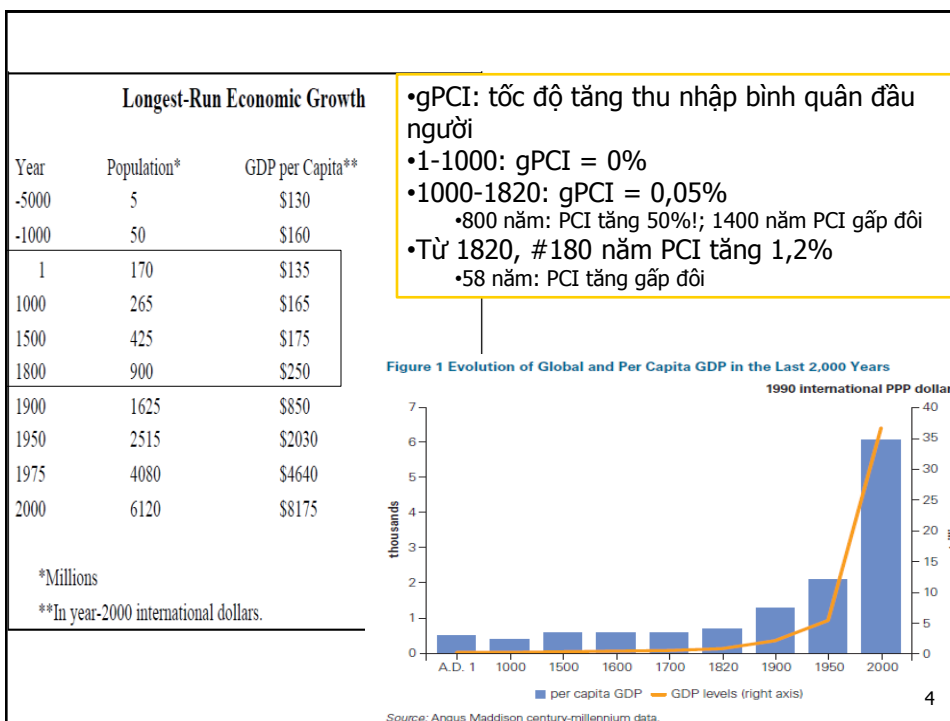
1. Mô thức tăng trưởng kinh tế toàn cầu
2. Tăng trưởng và phát triển
3. Quá trình phát triển và những thay đổi
4. Năm đặc trưng của nước tăng trưởng nhanh
5. Các vấn đề của chính sách phát triển

2

1. Mô thức tăng trưởng kinh tế toàn cầu

- Tăng trưởng tăng tốc sau 1820
- Mô thức không đồng nhất
- Hồ cách thu nhập tuyệt đối - Phân cực toàn cầu
- Nguy cơ bẫy thu nhập trung bình

3



4

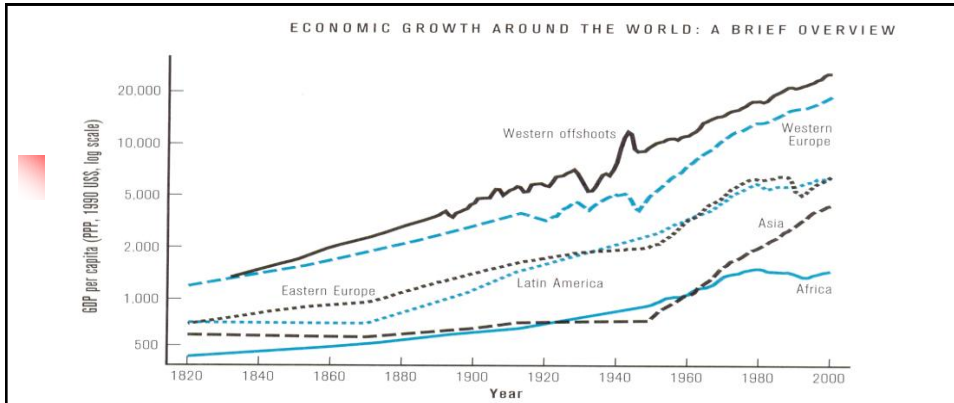
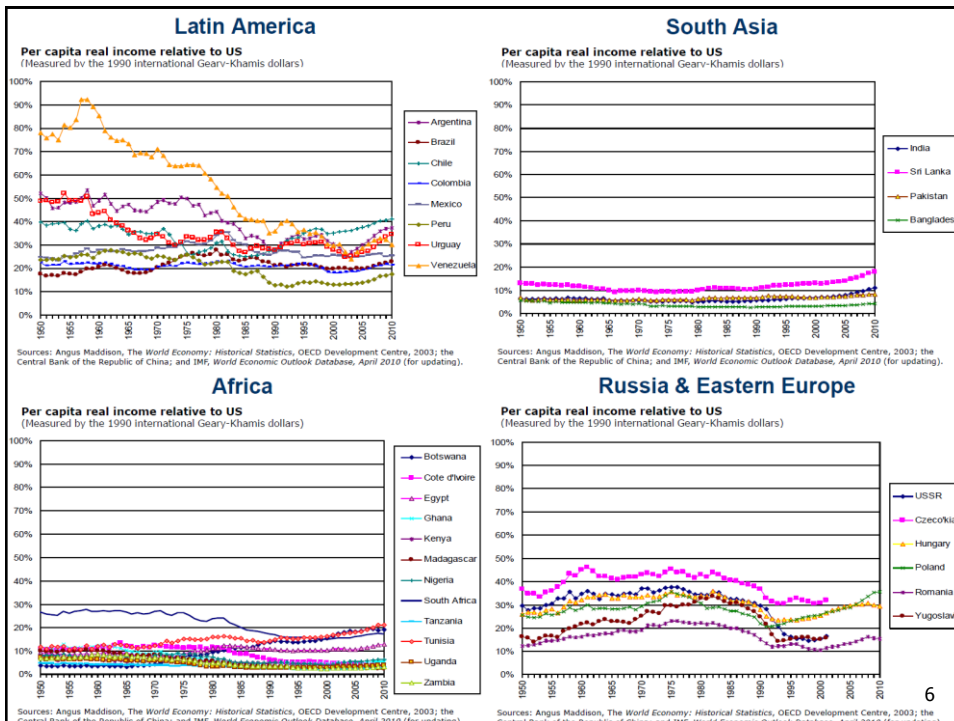


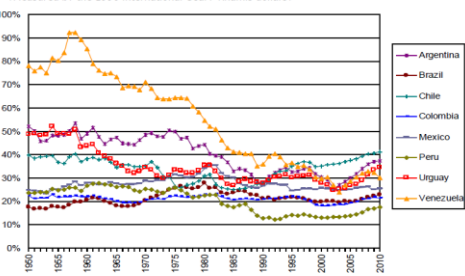
FIGURE 2-1. Levels of GDP per Capita by Region: 1820–2001

Note: Western “offshoots” include Australia, Canada, New Zealand, and the United States.
Source: Maddison www.eco.rug.nl/~Maddison/content.shtml.

Tăng trưởng tăng tốc từ 1880
Đến 1950:
Nước giàu tăng trưởng nhanh, nghèo tăng trưởng chậm.
Tỷ số thu nhập giàu nhất/ngèo nhất 3:1 (1820), 15:1 (1950)
Mô thức thay đổi từ 1950:
Châu A nổi lên.
Châu Mỹ latinh trì trệ sau 1980.
Đông Âu chậm lại sau 1989.
Châu Phi mở nhất từ 1980.
Hồ cách thu nhập giàu (Western offshoots), nghèo (châu Phi) 19:1

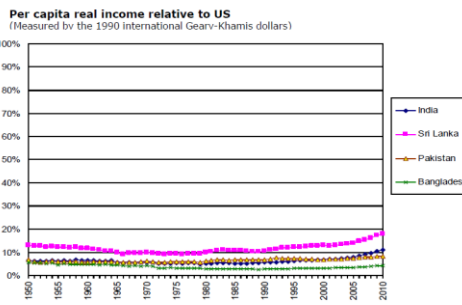


Latin America



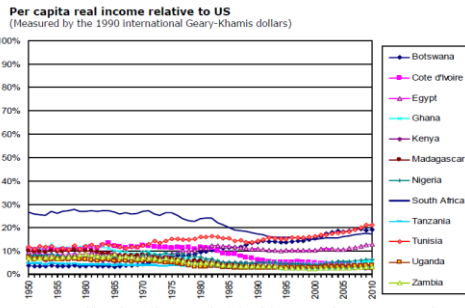
Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database*, April 2010 (for updating).

South Asia



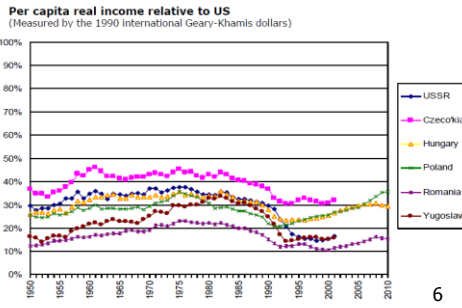
Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database*, April 2010 (for updating).

Africa



Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database*, April 2010 (for updating).

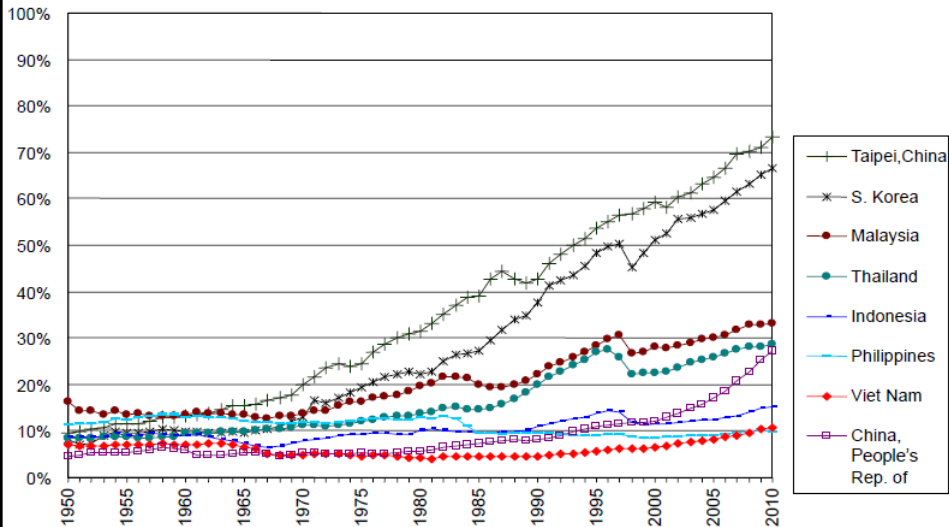
Russia & Eastern Europe



Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database*, April 2010 (for updating).

Speed of Catching Up: East Asia

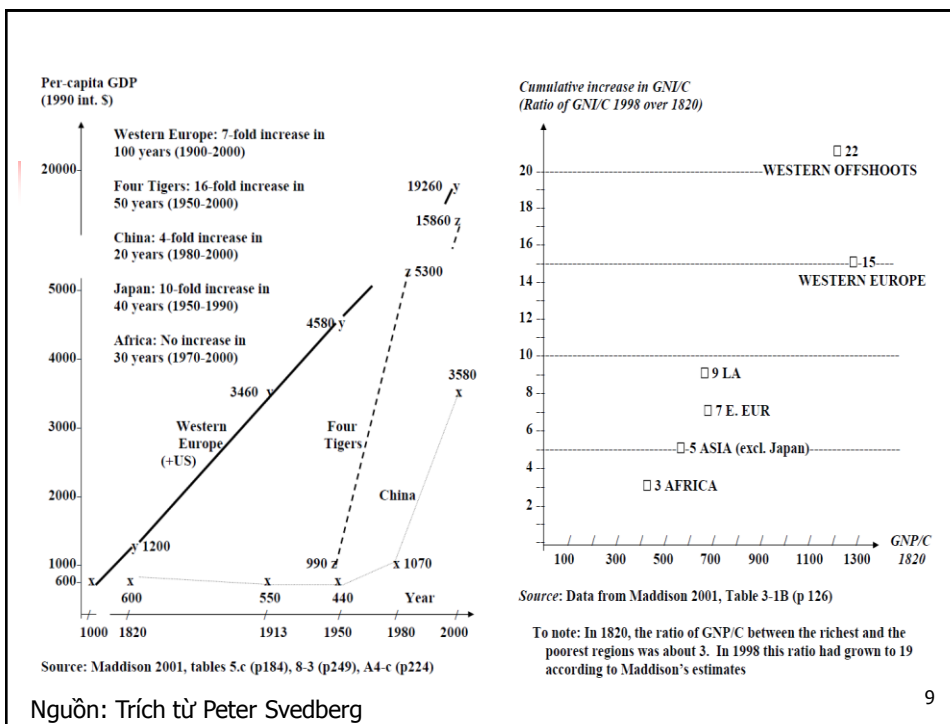
Per capita real income relative to US
(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)



Sources: Angus Maddison, *The World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database*, April 2010 (for updating).

Nhiều con đường đi đến phát triển - Sự thay thế

- “Nước Anh trước cách mạng công nghiệp đã trải qua hàng thế kỷ với CNTB thương nghiệp.
 - *Có nghĩa là Ghana hay Indonesia cũng phải có kinh nghiệm với CNTB thương nghiệp thì mới phát triển kinh tế không?*
- Nếu theo con đường đó thì những quốc gia này có lẽ còn phải chịu nghèo nàn thêm một thế kỷ hay dài hơn nữa.”
- Nhiều con đường đi đến phát triển - *Sự thay thế*



Bẫy thu nhập trung bình

- Bẫy thu nhập thấp và bẫy thu nhập trung bình.
- “Bẫy” xảy ra khi một quốc gia bị dính chặt với mức thu nhập mà chủ yếu được tạo ra do nguồn lực và lợi thế ban đầu, và không thể tiếp tục vượt lên khỏi mức này.

Kenichi Ohno (2011)

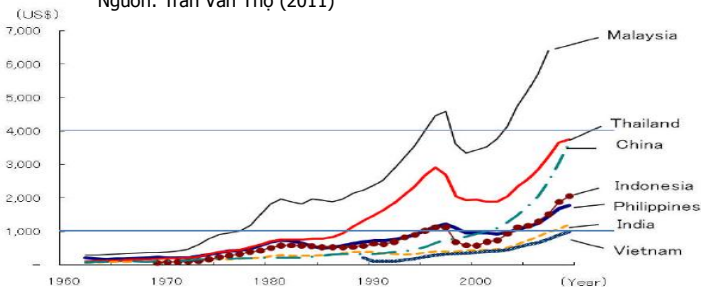
Bẫy thu nhập trung bình

- Nhiều nước có thể đạt mức thu nhập trung bình nhờ tự do hóa và hội nhập, nhưng để đạt mức thu nhập cao hơn cần nỗ lực chính sách nhằm thúc đẩy tính năng động của khu vực tư nhân.
- Tăng trưởng dựa vào FDI, dự án khổng lồ, nguồn lực tự nhiên, hay lợi thế nội địa cuối cùng cũng sẽ kết thúc. Nguồn lực thực sự của phát triển chính là sự sáng tạo giá trị bởi nguồn nhân lực (kiến thức, kỹ năng, công nghệ).
- Chính sách và thể chế phải thúc đẩy sự hình thành vốn nhân lực (thông qua toàn cầu hóa nhưng khác với những gì đã thực hiện trong quá khứ).

Kenichi Ohno (2011)

Thu nhập đầu người của một số nước Á châu

Nguồn: Trần Văn Thọ (2011)



Tư liệu: World Bank, *World Development Indicators*

Những nước có thu nhập trung bình ở châu Á

- Tiêu chí của World Bank: 1.000 USD, 4.000 USD, 12.000 USD
- Việt Nam vừa bước vào nhóm thu nhập trung bình thấp (trên 1.000 USD)
- Còn một thời gian dài mới tới mức thu nhập trung bình cao (trên 4.000 USD), còn khá xa so với cả TQ và Thái Lan.
- Malaysia (7.000 USD) đang khẩn trương đặt chiến lược vượt qua bẫy thu nhập trung bình, tiến lên hàng các nước tiên tiến.

Năm điểm chuyển hoán trong quá trình phát triển

- Chuyển hoán trên thị trường lao động, từ lao động dư thừa sang thiếu hụt
- Từ phát triển dựa trên đầu vào sang phát triển dựa trên năng suất tổng hợp
- Chuyển hoán trong cơ cấu lợi thế so sánh
- Chuyển hoán trong phân phối thu nhập
- Chuyển hoán trong tính chất của thể chế

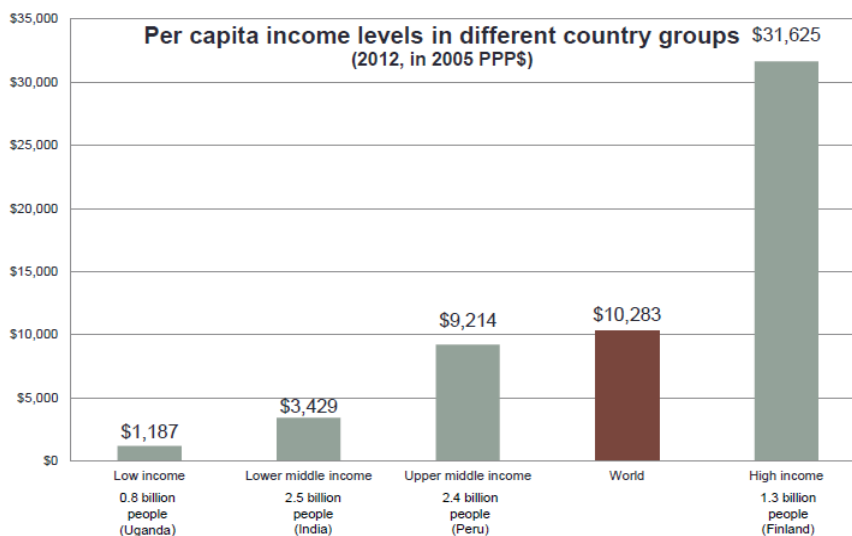
12

2. Tăng trưởng và phát triển

- Nước có tốc độ tăng trưởng thấp sẽ bị bỏ lại phía sau.
- Nhưng tăng trưởng có phải là tất cả?

13

Global income disparities



Nguồn: Trích từ Dani Rodrik (2013)

14

Nước giàu và nước nghèo

WDI-WB 2011, GNI bình quân (USD hiện hành), số liệu năm 2009:

- Low-income: (= < \$995)
- Lower middle-income: (\$996 - \$3945)
- Upper middle-income: (\$3946 - \$12195)
- High-income: (>= \$12196)

- Developing world:
 - "low" & "middle" income
 - > 5 tỷ dân số [5,659 tỷ (2009)]
- Developed world:
 - "high" income
 - # 1 tỷ dân số [1,117 tỷ (2009)]
- Tỷ lệ thu nhập:
 - Developing/Developed
 - #1/4: theo USD
 - #4/5: theo PPP

15

Phân phối thu nhập toàn cầu

World income distributed by percentiles of the population, 2000

(a)

Regional percentage of the population for each 20% of income

(b)

Part (a) shows world income distribution by percentile. The huge share controlled by the top percentiles gives the graph its "champagne glass shape." Part (b) shows the regional shares of global income. For example, a large majority of people in the top 20% of the global income distribution live in the rich countries. Most of those in the bottom 60% live in sub-Saharan Africa and Asia.

Source: United Nations Development Program, *Human Development Report, 2005* (New York: Oxford University Press, 2005), p. 37. Used by permission.

16

Tăng trưởng và phát triển

Tăng trưởng = PPF dịch ra ngoài.

Tăng thu nhập, thu nhập bình quân đầu người.

- *Tăng trưởng là sự gia tăng một cách bền vững của sản lượng bình quân đầu người hay sản lượng trên mỗi lao động (Simon Kuznets)*
- *Tăng trưởng kinh tế xảy ra nếu sản lượng tăng nhanh hơn dân số (Douglass C. North và Robert Paul Thomas)*

Phát triển = Chất lượng cuộc sống = Phúc lợi (vật chất, môi trường, an sinh...)

- *Tăng trưởng có khi không đi cùng chất lượng cuộc sống và phát triển con người*
- *Thu nhập đầu người như nhau nhưng rất khác nhau về chất lượng cuộc sống*

17

3. Quá trình phát triển và những chỉ báo thay đổi

- GNI và GDP bình quân đầu người (USD và PPP)
- Sử dụng năng lượng bình quân đầu người
- Dân số nông thôn (% tổng dân số)
- Tuổi thọ kỳ vọng
- Trình độ học vấn
- ...

18

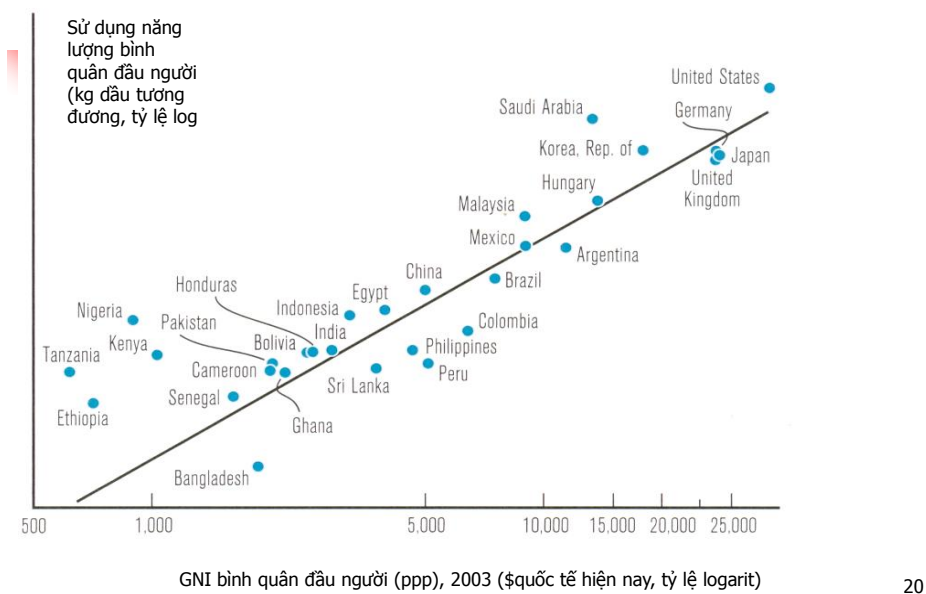
Phát triển và thay đổi cấu trúc nền kinh tế

- Trình độ phát triển thể hiện ở
 - Thu nhập, thu nhập bình quân, PPP...
 - Hiệu suất sử dụng nguồn lực sản xuất
 - Cơ cấu kinh tế...
- Phát triển và thay đổi cấu trúc nền kinh tế
 - Cơ cấu sản xuất và di chuyển nguồn lực
 - Đóng góp các ngành sản xuất vào GDP
 - Thay đổi dân số học
 - Nhu cầu và cơ cấu hàng hóa tiêu dùng
 - ...

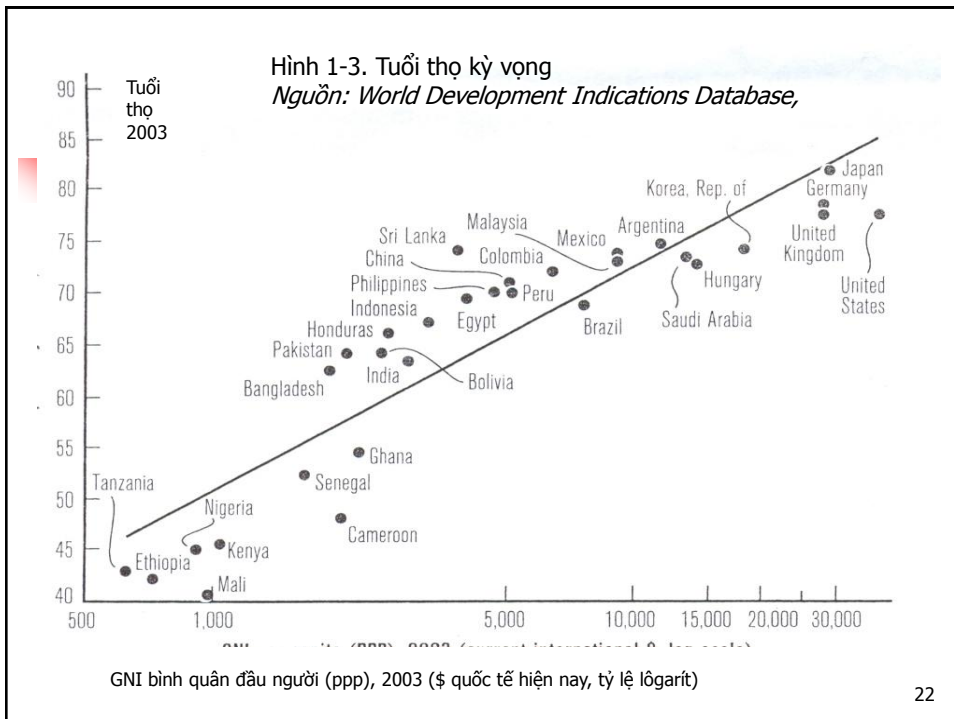
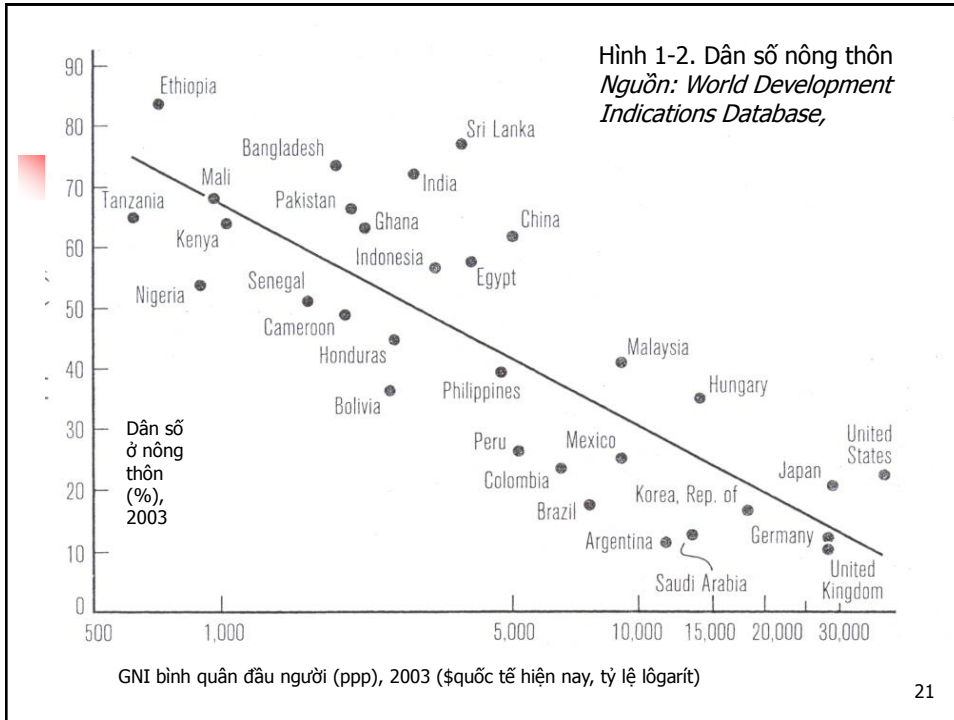
19

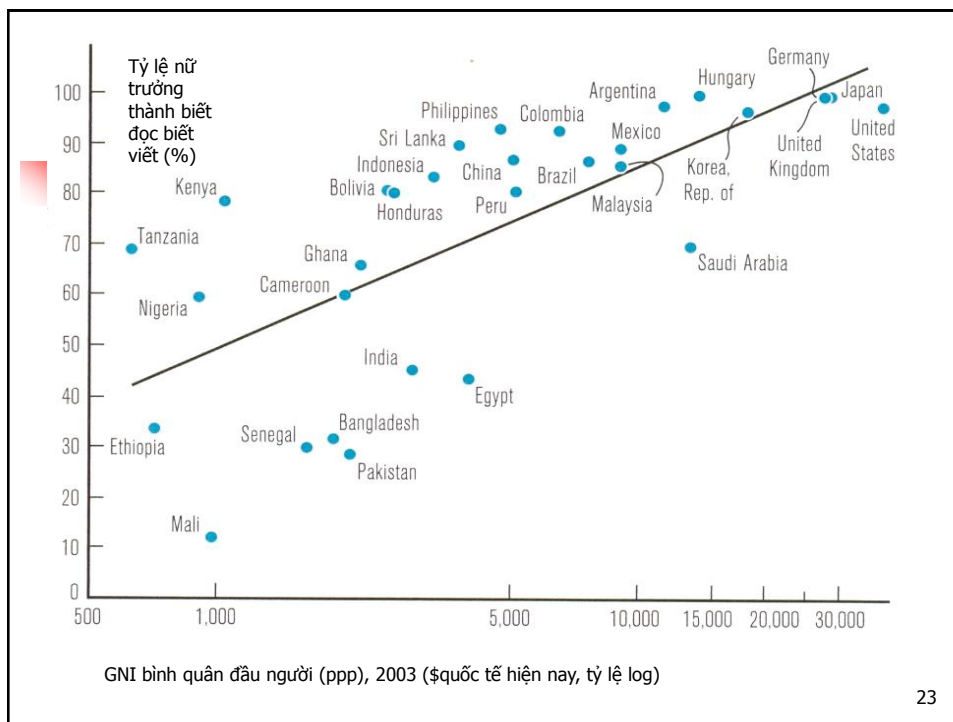
Hình 1-1. Tiêu dùng năng lượng bình quân đầu người

Nguồn: *World Development Indications Database* DEVELOPMENT CONTINUUM 15



20





23

Nước thu nhập thấp và nước phát triển

1. Mức sống và năng suất thấp hơn
2. Mức vốn nhân lực thấp hơn
3. Mức bất bình đẳng và nghèo tuyệt đối cao hơn
4. Tăng trưởng dân số cao hơn
5. Phân hóa xã hội lớn hơn
6. Dân số nông thôn lớn hơn – di dân nhanh chóng ra các đô thị
7. Mức độ công nghiệp hóa và xuất khẩu hàng chế tạo thấp hơn
8. Vị trí địa lý bất lợi
9. Các thị trường tài chính và các thị trường khác kém phát triển
10. Di sản thuộc địa – thể chế yếu kém...

■ Tám khác biệt

1. Nguồn nhân lực và vật chất
2. Mức GDP và PCI
3. Môi trường và hoàn cảnh
4. Tăng trưởng, phân phối và qui mô dân số
5. Di dân quốc tế
6. Lợi ích thương mại quốc tế
7. Nghiên cứu khoa học và công nghệ
8. Hiệu quả và hiệu lực của thể chế nội địa

24

4. Đặc trưng của các nền kinh tế tăng trưởng nhanh

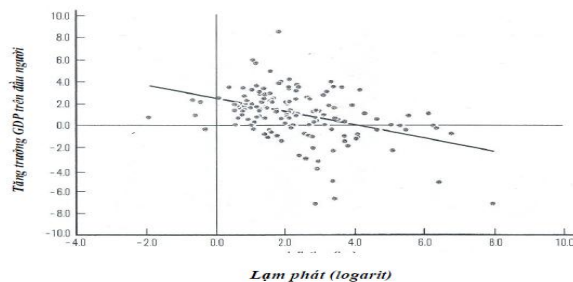
1. Ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô.
2. Đầu tư vào giáo dục và y tế.
3. Các thể chế và quản trị hiệu quả.
4. Môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân.
5. Vị trí địa lý thuận lợi.

25

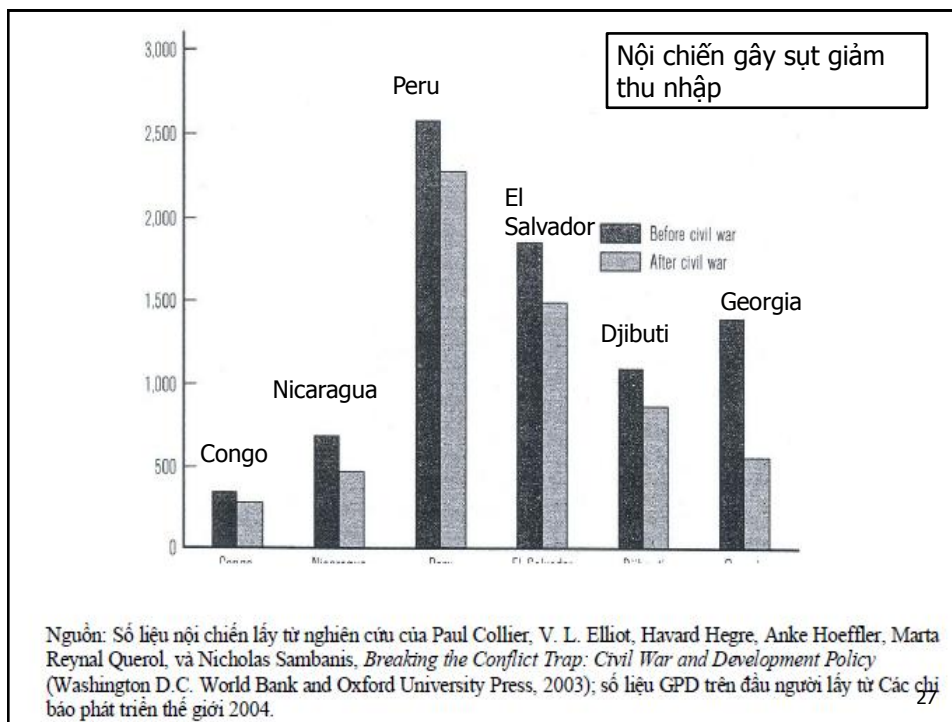
Ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô

- Ổn định chính trị và ổn định kinh tế vĩ mô?
- Bất ổn kinh tế và chính trị tác động như thế nào đến tăng trưởng và phát triển?

Hình 3-2. Lạm phát và tăng trưởng trong thập niên 90
 Những nước có tỷ lệ lạm phát cao hơn nhìn chung có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế thấp hơn.
 Nguồn: Các chỉ báo phát triển thế giới 2004.



26



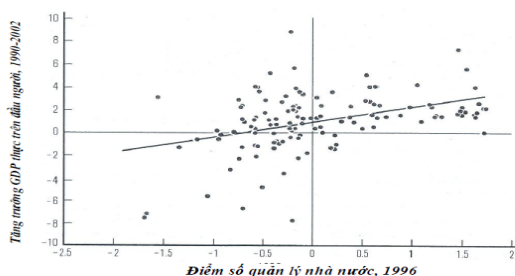
Đầu tư giáo dục và y tế

- Nước với tuổi thọ cao có xu hướng tăng trưởng nhanh hơn.
- Tuổi thọ tác động đến năng suất, tiết kiệm và tích lũy vốn?
 - Đầu tư giáo dục và tăng cường kỹ năng.
 - Phương tiện chăm sóc sức khỏe, nước sạch và vệ sinh, chương trình kiểm soát bệnh tật...
 - Tăng trưởng và tuổi thọ có tác động 2 chiều và theo hướng thuận chiều
 - Cải thiện mức và chất lượng giáo dục nên được hiểu theo hướng gia tăng năng suất và tăng cường lực lượng lao động có kỹ năng

Hình 3-4 Tăng trưởng và tuổi thọ

Các thể chế và quản trị hiệu quả

- Quan hệ tăng trưởng và hệ thống luật pháp, tham nhũng, quyền sở hữu, chất lượng bộ máy chính phủ, ...
 - Quản trị và thể chế vững mạnh hơn giúp cải thiện môi trường cho đầu tư (giảm rủi ro, tăng khả năng tạo ra lợi nhuận)



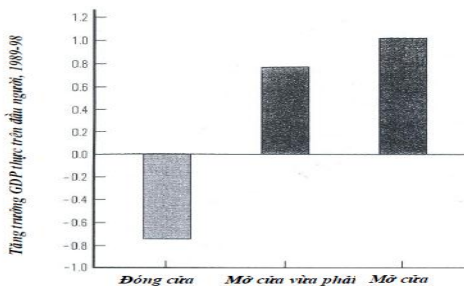
Hình 3-5 Quản lý nhà nước và tăng trưởng

Lưu ý: Các điểm số về quản lý nhà nước là bình quân đơn giản của các câu hỏi như tiếng nói và trách nhiệm giải trình, ổn định chính trị, sự cao trị của luật pháp, hiệu lực chính phủ, chất lượng luật lệ qui định, và kiểm soát tham nhũng trong bộ số liệu quản lý nhà nước do Daniel Kaufmann, Aart Kraay và Massimo Mastruzzi xây dựng, như mô tả trong "Governance Matters III: Governance Indicators for 1996-2002."

29

Môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân

- Tăng trưởng bền vững liên quan k/v tư nhân về các quyết định đầu tư, tiết kiệm, giáo dục, cơ hội việc làm.
- Chính sách nông nghiệp là trung tâm của tiến trình phát triển
- Tạo môi trường rất quan trọng cho tăng trưởng
- Mở cửa cho ngoại thương



Hình 3-6 Mở cửa và tăng trưởng

30

Vị trí địa lý thuận lợi

- Hầu hết nước thu nhập cao thuộc khu vực khí hậu ôn đới,
- Hầu hết nước vùng nhiệt đới, sâu trong đất liền lại nghèo

Hình 3-8 Địa lý và tăng trưởng


Loại nước	Tăng trưởng GDP theo năm đầu người, 1975-2002
Các nước ở vùng nhiệt đới	~0.48
Các nước khác	~1.02
Các nước nằm sâu trong đất liền	~0.58
Các nước khác	~0.78

31

5. Các vấn đề của chính sách phát triển

Dani Rodrik và Mark R. Rosenzweig (2009)


32



1. *Các chính sách tác động đến phát triển trải trên bình diện rộng lớn, từ chính sách vĩ mô (tiền tệ, tỷ giá) đến những can thiệp tài chính vi mô và có sự liên đới với nhau.*

- Đây là sự khác biệt giữa kinh tế phát triển và các lĩnh vực khác của kinh tế học.
- Giải pháp chính sách trải rộng, liên hệ lẫn nhau: chống lạm phát liên quan đến giảm nghèo; tài chính vi mô và thị trường tín dụng liên quan đến tỷ lệ ghi danh đi học; ...


33



2. *Sự phát huy hiệu quả của chính sách ít khi dùng với câu hỏi "does it work;" mà thay vào đó là "when does it work and when not and why?"*

- Lý thuyết rộng lớn và linh hoạt cho nhiều loại hình chính sách và vấn đề chính sách phải phù hợp bối cảnh, thay đổi theo thời gian.
- Ứng dụng chính sách càng chi tiết càng tốt, không nên chung chung.
- Không có giải pháp "one size fits all".


34



3. Các chính sách phát triển thể hiện đặc thù về mức độ bổ sung cao.

- Chính sách phải phù hợp bối cảnh và các điều kiện tiên đề hay tiên quyết. Chính sách vận hành thành công hay thất bại phụ thuộc những điều kiện tiên quyết này và tính khả thi của gói giải pháp.
- Tự do hóa tài chính và hưởng lợi từ quá trình này chỉ đi kèm với các chính sách tái cấu trúc và chính sách vĩ mô cụ thể hướng đến quản lý hiệu quả tài khoản vốn và tài chính.
- Một chính sách ngoại thương thành công đi kèm với chính sách thị trường lao động hay sự tự do gia nhập/thoát ra của doanh nghiệp.
- Không thể phân tích vai trò và hiệu quả của viện trợ mà không tính đến vấn đề ngoại thương, tăng trưởng, và nền chính trị của quốc gia đó.
- Chính sách can thiệp vào việc ghi danh đi học sẽ không hiệu quả trong một môi trường sức khỏe xấu và tuổi thọ thấp.


35



4. Mặc dù các nước đang phát triển hội nhập nhiều hơn vào nền kinh tế toàn cầu những thập niên qua, nhưng sự hội nhập của các nước này vẫn còn trệch hướng, nhiều điều gây ngạc nhiên và không thể cung cấp những lợi ích như mong đợi.


- Chính sách tự do hóa ngoại thương không phải lúc nào cũng mang lại lợi ích.
- Tự do hóa tài chính đi kèm nhiều cuộc khủng hoảng.
- Dịch chuyển lao động toàn cầu chịu sự ràng buộc nghiêm ngặt của các nước giàu. Vấn đề chảy máu chất xám và tri thức.

36



5. *Kinh nghiệm thực tế từ chính sách phát triển ngày càng gia tăng đang dẫn dắt các nhà kinh tế tiến đến phạm vi phân tích rộng hơn và sâu hơn các lĩnh vực thể chế, quản trị nhà nước và các vấn đề chính trị.*


37



6. *Xác định đúng nguyên nhân và ảnh hưởng đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thiết kế chính sách phát triển, và ngày càng trở thành vấn đề trung tâm của nghiên cứu phát triển. Nhưng vẫn còn đó các nguy cơ và hiểm lẫn.*

- Mô hình kinh tế lượng – tương quan và nhân quả.
- Cải thiện dinh dưỡng và sức khỏe với năng suất.
- Mở cửa (đo lường) và tăng trưởng.
- Bất bình đẳng, giảm nghèo và tăng trưởng.
- Hạn chế của ppnc, dữ liệu, và bằng chứng thực nghiệm.


38



7. Phân biệt giữa những triệu chứng kém phát triển với các nguyên nhân gốc rễ của kém phát triển là chìa khóa giúp xác định các chính sách đúng.

- Các chương trình phân phối thu nhập cho người nghèo giúp giảm nghèo không thể phát huy tác dụng giảm nghèo trong dài hạn.
- Tăng ghi danh và sự hiện diện của trẻ em đến lớp bằng cách phát tiền cho cha mẹ liệu có là một giải pháp?

39



8. Chúng ta học hỏi từ rất nhiều loại bằng chứng khác nhau. Sự tiến bộ của chính sách phát triển thông qua việc cập nhật các ưu tiên những gì vận hành tốt, vận hành như thế nào, và ở đâu.

- Câu chuyện những người bán hàng rong TP HCM (60.000 người) dưới góc nhìn
 - Sức khỏe cộng đồng
 - Phát triển và chính sách
- Trang bị nước sạch, phương tiện nấu nướng, mái che, quản lý đăng ký (Singapore và Thái lan)
- Quy định, giấy phép, thu phí, đuổi bắt và dọn dẹp (Việt Nam)

40



9. Kinh nghiệm các nước đang phát triển với các thể chế và chính sách đa dạng cung cấp một phòng thí nghiệm cho việc học hỏi ảnh hưởng của các chính sách và sự sắp xếp thể chế - đang có những đóng góp quan trọng cho kinh tế học như một ngành khoa học ứng dụng.

Kinh tế học không đơn thuần n/c lý thuyết và phát triển mô hình mà ngày càng hướng đến những lĩnh vực ứng dụng nhiều hơn và ngược lại nhờ vào sự đa dạng của chính sách phát triển đã góp phần cung cấp cơ sở cho các n/c kinh tế học (tham nhũng và phân tích kinh tế học cung/cầu dẫn đến hiện tượng này và các chính sách giải quyết chúng nhờ vào các nguyên lý kinh tế học.

41